

Số: 289/BC-BKTNS

Cà Mau, ngày 11 tháng 8 năm 2026

## BÁO CÁO

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kinh tế - Ngân sách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các văn bản trình Kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh khóa XI<sup>1</sup>. Ngày 31/7/2026, Ban Kinh tế - Ngân sách chủ trì, phối hợp với các Ban HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030. Kết quả thẩm tra, như sau:

**1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung cơ bản của Nghị quyết; ý kiến đại biểu và vấn đề còn ý kiến khác nhau**

*a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết*

Ngày 11/12/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/QH15 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

Ngày 15/4/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030; theo đó, tại điểm a khoản 5 Điều 9 quy định: “*Trách nhiệm của UBND tỉnh căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 – 2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định*”.

Từ quy định nêu trên, để cụ thể hóa quy định của trung ương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 ***là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh.***

<sup>1</sup> Công văn số 158/HĐND-TT ngày 28/7/2026.

*b) Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết*

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.
- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15.
- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 120/2026/UBTVQH15.
- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.
- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

*c) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết*

- *Về phạm vi điều chỉnh:* Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 theo điểm a khoản 5 Điều 9 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg quy định tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- *Về đối tượng áp dụng:* Các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Chương trình.

*- Về nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết trình thẩm tra*

+ Về nguyên tắc chung: (1) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương ở mức cao nhất cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, hải đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; (2) bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ; (3) cân đối, bố trí vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 và quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg; (4) bố trí một phần từ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh để thực hiện một số nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, bao gồm: Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS, ưu tiên hỗ trợ phường khu vực III, ấp đặc biệt khó khăn thuộc phường vùng đồng bào DTTS thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, thực hiện xây dựng nông thôn mới ở phường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030; hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ cho các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí, nội dung thành phần và được giao nhiệm vụ liên quan đến Chương trình.

**+ Về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương:**

(1) Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương: Việc phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được xác định căn cứ số ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là xã ATK), xã đảo và các xã còn lại) của tỉnh theo các quy định, quyết định công nhận ấp, xã của cấp thẩm quyền. Cụ thể như sau: Ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS, hệ số 1; xã khu vực III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo, hệ số 50; xã khu vực II vùng đồng bào DTTS, hệ số 40; xã khu vực I vùng đồng bào DTTS, hệ số 30; xã còn lại, hệ số 25. Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

(2) Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương: Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao, quy định tại Nghị quyết này và điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và các nguồn lực lồng ghép khác (nếu có) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh, trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ cho các địa phương. Căn cứ tổng mức vốn được giao, HĐND cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 theo phân cấp; bảo đảm tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS, ATK và hải đảo; không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

**+ Về tiêu chí phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh:**

(1) Theo đối tượng các ấp, xã: Việc phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình được xác định căn cứ số ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS và số xã (bao gồm: xã khu vực I, II, III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo và các xã còn lại) của tỉnh theo các quy định, quyết định công nhận ấp, xã của cấp thẩm quyền. Cụ thể như sau: Ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS, hệ số 1; xã khu vực III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo, xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại, hệ số 50; xã khu vực II vùng đồng bào DTTS, hệ số 40; xã khu vực I vùng đồng bào DTTS, hệ số 30; xã còn lại, hệ số 25. Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

(2) Theo đối tượng các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh và phường: Căn cứ đề xuất của các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh (được giao chủ trì các nhiệm vụ, nội dung thành phần và các nội dung liên quan của Chương trình), các phường và các quy định, nguyên tắc phân bổ tại Nghị quyết này, UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch, dự toán vốn ngân sách tỉnh đối ứng (chi đầu tư, chi thường xuyên) giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho các đơn vị, địa phương.

+ Về tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách tỉnh: Hằng năm, ngân sách tỉnh bố trí vốn đối ứng tối thiểu **0,88 lần** tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình.

+ Về nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

**d) Ý kiến đại biểu và những vấn đề còn ý kiến khác nhau**

- Tại Hội nghị thẩm tra, các đại biểu đã thảo luận, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình, làm rõ thêm một số nội dung của dự thảo Nghị quyết, như sau:

+ Tại khoản 4 Điều 3: Đề nghị bỏ cụm từ “*một phần*” và biên tập lại cho phù hợp theo hướng toàn bộ nguồn vốn đối ứng của địa phương được bố trí các nhiệm vụ của địa phương để thực hiện Chương trình mà không sử dụng ngân sách trung ương. Theo đó, gom khoản 3 và khoản 4 để đảm bảo nguyên tắc của phần vốn đối ứng. Đồng thời, quan tâm quy định thêm nội dung hỗ trợ phần ngân sách đối ứng của tỉnh cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao; hỗ trợ sở, ban, ngành, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình theo quyết định của HĐND tỉnh.

+ Tại khoản 2 Điều 4: Về định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn trung ương, cần thể hiện lại nội dung này cho phù hợp với tình hình thực tế, chỉ rõ nguồn vốn và thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

+ Gom Điều 5 và Điều 6 thành Điều “*Tỷ lệ và định mức vốn đối ứng ngân sách tỉnh*”; trong đó, làm rõ thông tin xác định tỷ lệ đối ứng tối thiểu 0,88 lần.

. *Đối với định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn đối ứng ngân sách tỉnh:*  
Đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ % cho từng tiêu chí để phân bổ nguồn vốn đối ứng

này (tỷ lệ hỗ trợ cho các phường; tỷ lệ hỗ trợ cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh; thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; xã có tỷ lệ hộ nghèo cao).

. Đối với nguồn chi thường xuyên từ vốn đối ứng ngân sách tỉnh, trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương, giao UBND tỉnh quyết định phân bổ cho từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

+ Tại Điều 6: Đề nghị bỏ do gom với Điều 5.

+ Khoản 2 Điều 8: Đề nghị không quy định, do các văn bản này được căn cứ vào các văn bản được quy định cho giai đoạn trước, đã hết hiệu lực thi hành theo thời gian, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh bãi bỏ các Nghị quyết trên theo quy định.

+ Ngoài ra, đại biểu còn cần thêm thông tin để làm rõ nội dung, có một số góp ý và cách trình bày thể thức, câu từ, nhằm hoàn thiện dự thảo nghị quyết:

. Đề nghị thông tin Nghị quyết này quy định đối với nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn sự nghiệp hay chỉ quy định đối với nguồn vốn đầu tư. Trường hợp chỉ quy định đối với nguồn vốn đầu tư thì nguồn vốn sự nghiệp sẽ được phân bổ như thế nào.

. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 13 xã được HĐND tỉnh thống nhất chủ trương thành lập phường, đang trình cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp 13 xã trên được thành lập Phường thì phương án phân bổ sẽ thay đổi như thế nào.

. Tại các văn bản được dẫn chiếu lần đầu, đề nghị bổ sung đầy đủ thông tin theo quy định, gồm: Số hiệu văn bản; ngày, tháng năm ban hành; cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; trích yếu nội dung văn bản.

. Điều chỉnh cụm từ “*ngân sách tỉnh*” thành “*ngân sách địa phương*”.

Nội dung văn bản không viết tắt.

- Ý kiến của đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường: Xin tiếp thu ý kiến góp ý của đại biểu.

+ Nội dung Nghị quyết áp dụng đối với nguồn vốn trung ương và vốn đối ứng địa phương (bao gồm đầu tư công và chi thường xuyên). Trong đó, đối với xã (hiện nay có 55 xã) được bố trí từ nguồn vốn trung ương (cả 2 nguồn) theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức của dự thảo Nghị quyết này và vốn đối ứng địa phương (nguồn đầu tư công sau khi bố trí cho các đối tượng ưu tiên, còn lại mới bố trí cho các xã trong xây dựng nông thôn mới, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao).

Đối với phường chỉ được bố trí từ nguồn vốn đối ứng địa phương (đầu tư công); ngoài ra, nguồn vốn chi thường xuyên từ nguồn đối ứng đề xuất giao UBND tỉnh căn cứ vào nhu cầu thực tế của từng đơn vị, địa phương, xây dựng phương án trình HĐND tỉnh phân bổ.

Đối với nguồn vốn đối ứng, trong giai đoạn qua phân bổ cho các phường là khoảng 16% hỗ trợ cho các phường. Theo phương án đề xuất bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh (đầu tư công) cho các phường 02% (hiện nay có 19 phường thí bố

trí khoảng 18%) để thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này. Bố trí 20% hỗ trợ sở, ngành tỉnh; nguồn kinh phí còn lại hỗ trợ cho các xã.

Trường hợp sau này khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội công nhận 13 phường, thì tỷ lệ bố trí vẫn không thay đổi, mỗi phường bố trí khoảng 2% (22 phường thì bố trí 44% vốn đối ứng ngân sách tỉnh). Theo đó, tỷ lệ vốn ngân sách trung ương bố trí cho các xã tăng lên.

+ Đối với tỷ lệ vốn đối ứng 0,88 lần được cơ quan soạn thảo áp dụng theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và tỷ lệ vốn đối ứng trên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến thống nhất tại Công văn số 4341/BNMT-VPĐP ngày 04/5/2026.

+ Các ý kiến còn lại của đại biểu, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, tham mưu UBND tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, nội dung dự thảo Nghị quyết, trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

Các ý kiến thảo luận của đại biểu được cơ quan soạn thảo giải trình, tiếp thu, làm rõ, được đại biểu thống nhất.

## **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tình hình, điều kiện thực tế tại địa phương, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất<sup>2</sup>.

## **3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết**

a) *Về tính hợp hiến*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp và không trái với các quy định cụ thể của Hiến pháp năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

b) *Về tính hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp, đảm bảo tính hợp pháp theo các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) *Về tính thống nhất với hệ thống pháp luật*: Nội dung dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành<sup>3</sup>.

<sup>2</sup> Tại Thông báo số 1008-TB/TU ngày 20/7/2026.

<sup>3</sup> Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 120/2026/UBTVQH15; Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

#### **4. Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Nội dung dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thủ tục hành chính, không có nội dung quy định trực tiếp đến việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

#### **5. Nguồn lực tài chính, nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết**

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được đảm bảo từ nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030. Vì vậy, các điều kiện về nguồn lực và điều kiện cho việc thi hành Nghị quyết là đảm bảo tính khả thi.

#### **6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết**

*a) Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày:* Thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

*b) Về trình tự, thủ tục soạn thảo dự thảo Nghị quyết*

Trên cơ sở thống nhất lập danh mục xây dựng Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo nghị quyết, đã thực hiện xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy trình, thời gian và thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình xây dựng văn bản, cơ quan soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo, xây dựng tờ trình, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp dự thảo và các tài liệu có liên quan; đồng thời, đăng tải các tài liệu này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết được Sở Tư pháp tổ chức thẩm định đúng quy trình và có báo cáo kết quả thẩm định, đủ điều kiện trình kỳ họp<sup>4</sup>.

#### **7. Quan điểm, ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh**

Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, các tài liệu có liên quan và ý kiến thảo luận tại Hội nghị thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh nhận thấy việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu

---

<sup>4</sup> Hồ sơ trình thẩm tra, gồm: (1) Tờ trình số 569/TTr-UBND ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030; (2) dự thảo Nghị quyết; (3) bản so sánh thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (4) bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; (5) Báo cáo số 820/BC-STP ngày 24/6/2026 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; (6) Báo cáo số 1020/BC-SNNMT ngày 26/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; (7) Công văn số 7348/SNNMT-KTHT ngày 07/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết; (8) Tờ trình số 721/TTr-SNNMT ngày 29/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; (9) một số văn bản khác có liên quan.

quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030 ***là cần thiết và đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh***, nhằm cụ thể hóa quy định của Trung ương<sup>5</sup>, tạo sự thống nhất quy định của hệ thống văn bản pháp luật có giá trị pháp lý hiện hành<sup>6</sup>.

Việc ban hành Nghị quyết làm cơ sở pháp lý để lập kế hoạch trung hạn và hàng năm; phân bổ kế hoạch vốn thực hiện các nội dung của Chương trình và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương; đồng thời, căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc thực hiện kế hoạch của Chương trình.

Dự thảo Nghị quyết cơ bản bám sát các quy định tại Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg và các quy định pháp luật có liên quan; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ, định mức phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh, đồng thời thống nhất với các nội dung đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình, làm rõ tại Hội nghị thẩm tra, cụ thể:

***(1) Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách trung ương (gồm chi đầu tư và chi thường xuyên):***

- Về nguyên tắc: Tập trung ưu tiên phân bổ ngân sách trung ương cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, an toàn khu, xã đảo.

- Về tiêu chí: Mức phân bổ vốn của từng xã được xác định theo hệ số phân bổ nhân với số lượng ấp và xã tương ứng, cụ thể: Ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS: hệ số 1; xã khu vực III vùng đồng bào DTTS, xã ATK, xã đảo: hệ số 50; xã khu vực II vùng đồng bào DTTS: hệ số 40; xã khu vực I vùng đồng bào DTTS: Hệ số 30; xã còn lại: hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ hai (02) đối tượng trở lên thì chỉ áp dụng một (01) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó.

- Về phương pháp và định mức phân bổ: Căn cứ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình, hệ số phân bổ của từng xã và điều kiện thực tế

<sup>5</sup> Tại điểm a khoản 5 Điều 9 quy định “Căn cứ điều kiện thực tế, nghiên cứu, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 – 2030 trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”.

<sup>6</sup> Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết 120/2026/UBTVQH15; Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

của tỉnh, UBND tỉnh xây dựng phương án trình HĐND tỉnh quyết định phân bổ cho các địa phương. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và theo phân cấp tại Nghị quyết số 46/2026/NQ-HĐND ngày 30/6/2026 của HĐND tỉnh, HĐND cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo quy định.

Việc phân bổ cụ thể hằng năm phải căn cứ mức vốn được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ được phê duyệt, nhu cầu thực tế, khả năng thực hiện và giải ngân của từng địa phương, đơn vị; bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tránh phân bổ bình quân, dàn trải, đồng thời không để xảy ra thất thoát, lãng phí và nợ đọng xây dựng cơ bản.

**(2) Về nguyên tắc, tỷ lệ và định mức phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh (gồm chi đầu tư và chi thường xuyên):**

- Về nguyên tắc: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất tập trung vốn đối ứng ngân sách tỉnh để **thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Trung ương và các nội dung do HĐND tỉnh quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương**, gồm: (1) hỗ trợ các phường thực hiện chính sách giảm nghèo, hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới; (2) hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; (3) thực hiện xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; (4) hỗ trợ các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan đến Chương trình; (5) hỗ trợ thêm cho các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo bền vững.

- Về tỷ lệ và định mức phân bổ vốn đối ứng ngân sách tỉnh

+ Về tỷ lệ đối ứng: Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với việc **bố trí vốn đối ứng ngân sách tỉnh tối thiểu 0,88 lần** tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình<sup>7</sup>; theo báo cáo của cơ quan chuyên môn, ngân sách tỉnh có khả năng cân đối, bố trí vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030.

+ Về đối ứng ngân sách tỉnh chi đầu tư: **Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất phương án bố trí 02% vốn cho mỗi phường** để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; **bố trí 20% vốn để hỗ trợ cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh** thực hiện các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến Chương trình và xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; **phần kinh phí còn lại** hỗ trợ các xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại và các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

+ Đối với nguồn chi thường xuyên từ vốn đối ứng ngân sách tỉnh: Ban nhận thấy nguồn vốn này không lớn nhưng thực hiện khá nhiều nội dung, nhiệm vụ chi của các đơn vị, địa phương; đồng thời, trên cơ sở kế thừa quy định của giai đoạn trước, **Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất giao UBND tỉnh quyết định phân bổ cho từng nội dung, nhiệm vụ cụ thể và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.**

<sup>7</sup> Qua rà soát từng tiêu chí xác định tỷ lệ vốn đối ứng theo các quy định tại khoản 2 Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 4341/BNNMT-VPĐP ngày 04/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thì **ngân sách tỉnh hàng năm đối ứng tối thiểu 0,88 lần tổng vốn ngân sách trung ương** hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình, đảm bảo theo đúng quy định.

Việc phân bổ phải bảo đảm đúng mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định.

Sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua, **Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo một số nội dung sau:**

- Hằng năm, khi xây dựng phương án phân bổ vốn, bảo đảm bám sát nguyên tắc, tiêu chí, định mức đã được HĐND tỉnh quyết nghị; ưu tiên địa bàn khó khăn, nhiệm vụ cấp thiết, dự án có đủ điều kiện thực hiện và khả năng giải ngân, hạn chế phân bổ bình quân, dàn trải.

- Thường xuyên rà soát sự phù hợp của cơ cấu, tiêu chí và định mức phân bổ với tình hình thực tế của tỉnh, nhất là khi có thay đổi về số lượng xã, phường, điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu thực hiện Chương trình; kịp thời báo cáo HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh khi cần thiết.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc phân bổ, quản lý, sử dụng và giải ngân vốn; bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp nguồn vốn, kịp thời điều chuyển hoặc xử lý vốn chậm triển khai, sử dụng không hiệu quả, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy dự thảo Nghị quyết bảo đảm cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản cơ bản bảo đảm theo quy định. Các nội dung góp ý được cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp.

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nội dung của dự thảo Nghị quyết. Kính trình đại biểu HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thành viên Ban KT-NS;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử;
- Phòng CT. HĐND;
- Lưu: VT, LT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Vũ Hồng Như Yên**